

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2020

V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm;
2. Bà Hồ Thị Mai Hương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Kim Xoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 498/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Tổ 13, ấp Mỹ Đông B, xã Mỹ T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ 13, ấp Mỹ Đông B, xã Mỹ T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(*Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/8/2020; biên bản hòa giải ngày 19/11/2020 chị Bùi Thị T là nguyên đơn trình bày:

- **Về hôn nhân:** Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn V tổ chức đám cưới vào năm 1993, vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng thời gian sau vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế và anh V thường xuyên uống rượu, hành hung chị T. Mặc dù vợ chồng cố gắng để hàn gắn tình cảm nhưng không thành, chị T cũng đã nhiều lần khuyên ngăn, nhưng anh V không thay đổi. Nay, chị Bùi Thị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 04 con chung, tên là Nguyễn Chí C, sinh ngày 29/5/1994, Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 11/10/1999, Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 04/11/2003 và Nguyễn Công B, sinh ngày 14/10/2007. Hiện nay con chung tên Nguyễn Thị Như Y và Nguyễn Công B đang sống cùng anh Việt.

Khi ly hôn, con chung tên Nguyễn Chí C và Nguyễn Thị Huỳnh N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T đồng ý để anh Việt được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Như Y và Nguyễn Công B, chị T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản hòa giải ngày 19/11/2020, bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:

- **Về hôn nhân:** Anh Việt thừa nhận lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn, việc không đăng ký kết hôn, cũng như mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày là đúng. Anh V cũng thừa nhận trong lúc nóng giận có đánh chị T. Nay, anh Nguyễn Văn V đồng ý ly hôn với chị Bùi Thị T.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 04 con chung, tên là Nguyễn Chí C, sinh ngày 29/5/1994, Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 11/10/1999, Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 04/11/2003 và Nguyễn Công B, sinh ngày 14/10/2007. Hiện nay, con chung tên Nguyễn Thị Như Y và Nguyễn Công B đang sống cùng anh V.

Khi ly hôn, con chung tên Nguyễn Chí Công và Nguyễn Thị Huỳnh N đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Anh V yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Như Y và Nguyễn Công B, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Chị Bùi Thị Tho có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn V. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *“Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con”*.

Anh Nguyễn Văn V là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: ấp Mỹ Đông B, xã Mỹ T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chị T, anh V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 01 nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn V.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị T và anh V thừa nhận chung sống vào năm 1993 và không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, chị T, anh V có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Nay, đời sống chung giữa chị T, anh V phát sinh mâu thuẫn, chị T yêu cầu ly hôn. Anh V đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị T, anh V là vợ chồng.

- **Về con chung:** Chị T, anh V có 04 con chung, tên là Nguyễn Chí C, sinh ngày 29/5/1994, Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 11/10/1999, Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 04/11/2003 và Nguyễn Công B, sinh ngày 14/10/2007. Hiện nay, con chung tên Nguyễn Thị Như Y và Nguyễn Công B đang sống cùng anh V. Con chung tên Nguyễn Chí C và Nguyễn Thị Huỳnh N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T đồng ý để anh V được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Như Y và Nguyễn Công B, chị T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh V yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Như Y và Nguyễn Công B, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai ngày 19/11/2020, cháu Nguyễn Thị Như Y và Nguyễn Công B có nguyện vọng được sống với anh Nguyễn Văn V. Do đó, giao con chung tên Nguyễn Thị Như Y và Nguyễn Công B cho anh Nguyễn Văn V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh V không yêu cầu.

Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 0004283 ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn V là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 04/11/2003 và Nguyễn Công B, sinh ngày 14/10/2007 cho anh Nguyễn Văn V tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Bùi Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Nguyễn Văn V không yêu cầu.

Chị Bùi Thị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004283 ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Hữu Hà

